TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **29**/2023/KDTM-ST
Ngày: 28-8-2023
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Dung
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Xoa
- Ông Phạm Công Lương

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Bà Hà Thị Thu Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2022/TLST-KDTM ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2023/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng A**. Trụ sở: Số 16 P, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật ông Lưu Quyết T. Chức vụ: Chủ tịch HĐQT. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Đức D. Chức vụ: Trưởng phòng KHDN- Chi nhánh Đà Nẵng và ông Nguyễn Mạnh C. Chức vụ: Chuyên viên chính phòng KHDN Chi nhánh Đà Nẵng, ông Nguyễn Văn P. Cùng địa chỉ: Số 297-299 Đ, phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia tố tụng theo các văn bản ủy quyền số 3971/2019/UQ-BVB ngày 07/10/2019, văn bản ủy quyền số 186 ngày 15/6/2022, văn bản ủy quyền số 314/2023/UQ-BVB ngày 10/5/2023, ông D, ông C vắng mặt, ông P có mặt.

- *Bị đơn:* **Công ty Cổ phần L**. Trụ sở: Số 16 L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Tấn C– Chức vụ: Tổng giám đốc, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thu V. Sinh năm: 1992 và ông Huỳnh Đức Doãn N. Sinh năm: 1992. Cùng địa chỉ: Căn hộ chung cư số B15.14A tầng 15 (Block B)- Số 16 L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, ông N, bà V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Phanh trình bày:*

Công ty Cổ phần L vay vốn tại BAOVIET Bank theo Hợp đồng tín dụng (Cho vay theo hạn mức đối với khách hàng pháp nhân) số: 0020/2019/HĐTD1/BVB32 ký ngày 09/07/2019, cụ thể như sau: Số tiền cho vay là: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng); Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động, bù đắp bổ sung vốn lưu động, thanh toán lương và bù đắp thanh toán lương; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất vay: 8.42%/năm, thay đổi quy định tại Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ; Phương thức trả nợ: trả gốc cuối kỳ vào ngày đến hạn của từng Khế ước nhận nợ; trả lãi định kỳ vào ngày 26 hàng tháng; Lãi suất quá hạn: 12.63%/năm; Lãi quá hạn trên lãi: 10%/năm. Các kỳ trả nợ, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong Hợp đồng tín dụng, các Khế ước nhận nợ và các văn bản khác đã ký kết.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là: Toàn bộ Căn hộ chung cư số B-15.14A tầng 15 (Block B), thửa đất số: 86, tờ bản đồ số: 7, địa chỉ: 16 Lý Thường Kiệt, Thạch Thang, Hải Châu, Đà Nẵng. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CH 636729 (Số vào sổ cấp GCN: CT36177) do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Đà Nẵng cấp ngày 14/04/2017. Tài sản bảo đảm được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư số: 0024/2019/BĐ1/BVB32 ngày 09/07/2019, số công chứng 5689, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD giữa BAOVIET Bank – Chi nhánh Đà Nẵng với Công ty Cổ phần L lập tại Văn phòng công chứng Sông Hàn và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Cổ phần L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho BAOVIET Bank. Sự vi phạm nghĩa vụ của Công ty Cổ phần L đã ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của BAOVIET Bank. Do đó, Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng giải quyết: buộc Công ty Cổ phần L thanh toán ngay cho BAOVIET Bank tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/09/2022 theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết là: 2.316.900.189 đồng(trong đó, nợ gốc là 2.000.000.000đ, nợ lãi: 316.900.189 đồng).

Buộc Công ty Cổ phần L còn phải thanh toán các khoản tiền lãi, tiền phạt và các chi phí khác phát sinh (nếu có) theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trên tổng số tiền chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết các nghĩa vụ cho BAOVIET Bank.

Trong trường hợp kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực mà Công ty Cổ phần L không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho BAOVIET Bank, BAOVIET Bank có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là toàn bộ Căn hộ chung cư số B-15.14A tầng 15 (Block B), thửa đất số: 86, tờ bản đồ số: 7, địa chỉ: 16 Lý Thường Kiệt, Thạch Thang, Hải Châu, Đà Nẵng. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản

khác gắn liền với đất số CH 636729 (Số vào sổ cấp GCN: CT36177) do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Đà Nẵng cấp ngày 14/04/2017 để thu hồi khoản nợ. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Cty lương thực Đà Nẵng đối với BAOVIET Bank.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/8/2023 là: 2.545.986.793đồng. Trong đó: nợ gốc là 2.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 5.491.998đ, lãi quá hạn 540.494.795đ, các yêu cầu khác về việc tính lãi và xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp Công ty Cổ phần L không thanh toán nợ đầy đủ Ngân hàng xin giữ nguyên như yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Bị đơn Công ty Cổ phần L từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án, không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có tài liệu, chứng cứ lưu tại hồ sơ vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thu V, ông Huỳnh Đức Doãn N là người thuê và hiện đang sinh sống tại Căn hộ chung cư số B-15.14A tầng 15 (Block B) - tài sản thế chấp cho Ngân hàng cũng không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có tài liệu, chứng cứ lưu tại hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự. Về phía Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Đối với người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn, Công ty Cổ phần L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thu V, ông Huỳnh Đức Doãn N chưa chấp hành đầy đủ quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với Công ty Cổ phần L là có cơ sở. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ điều 463, 466 Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty Cổ phần L phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/8/2023 là: 2.545.986.793đồng. Trong đó: nợ gốc là 2.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 5.491.998đ, lãi quá hạn 540.494.795đ. Buộc Công ty Cổ phần L tiếp tục thanh toán số tiền nợ lãi phát sinh tính từ ngày 29/8/2023 theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số nợ.

Trường hợp Công ty Cổ phần L không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng A có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là toàn bộ Căn hộ chung cư số B-15.14A tầng 15 (Block B), thửa đất số: 86, tờ bản đồ số: 7, địa chỉ: 16 Lý Thường Kiệt, Thạch Thang, Hải Châu, Đà Nẵng. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CH 636729 (Số vào sổ cấp GCN:

CT36177) do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Đà Nẵng cấp ngày 14/04/2017 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về phần thủ tục: Đơn khởi kiện của Ngân hàng A nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 điều 29; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm b khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Công ty Cổ phần L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thu V, ông Huỳnh Đức Doãn N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện về thời gian tính lãi của khoản tiền vay đến thời điểm xét xử với số tiền cụ thể là: 2.545.986.793đồng. Trong đó: nợ gốc là 2.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 5.491.998đ, lãi quá hạn 540.494.795đ. HĐXX xét thấy việc thay đổi yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án: Ngân hàng A và Công ty Cổ phần L có ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay theo hạn mức đối với khách hàng pháp nhân số: 0020/2019/HĐTD1/BVB32 ký ngày 09/07/2019. Theo nội dung hợp đồng tín dụng này Ngân hàng cho Công ty Cổ phần L vay số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng); Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động, bù đắp bổ sung vốn lưu động, thanh toán lương và bù đắp thanh toán lương; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất vay: 8.42%/năm; Phương thức trả nợ: trả gốc cuối kỳ vào ngày đến hạn của từng Khế ước nhận nợ; trả lãi định kỳ vào ngày 26 hàng tháng; Lãi suất quá hạn: 12.63%/năm; Lãi quá hạn trên lãi: 10%/năm.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, vào ngày 08/7/2020 Ngân hàng đã giải ngân cho Cổ phần Lương thực Đà Nẵng số tiền là 2.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ đồng y) và Công ty Cổ phần L đã thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng từ ngày 26/7/20220 đến ngày 01/8/2021. Sau đó, Công ty Cổ phần L không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty Cổ phần L phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/8/2023 là: 2.545.986.793đồng. Trong đó: nợ gốc là 2.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 5.491.998đ, lãi quá hạn 540.494.795đ; Buộc Công ty Cổ phần L tiếp tục thanh toán số tiền nợ lãi phát sinh tính từ ngày 29/8/2023 theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số nợ; Trong trường hợp kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực mà Công ty Cổ phần L không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho BAOVIET Bank, BAOVIET Bank có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có

thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là toàn bộ Căn hộ chung cư số B-15.14A tầng 15 (Block B), thửa đất số: 86, tờ bản đồ số: 7, địa chỉ: 16 Lý Thường Kiệt, Thạch Thang, Hải Châu, Đà Nẵng. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 636729 (Số vào sổ cấp GCN: CT36177) do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Đà Nẵng cấp ngày 14/04/2017 để thu hồi khoản nợ. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty Cổ phần L đối với BAOVIET Bank.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty Cổ phần L trả số tiền nợ gốc và lãi thì thấy: Hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty Cổ phần L trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên phải được các bên tôn trọng thực hiện. Các bên tham gia trong giao dịch này được hưởng các quyền và phải chịu các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án Công ty Cổ phần L vi phạm về nghĩa vụ trả nợ quy định tại điều 5 Hợp đồng tín dụng,và khế ước nhận nợ số 0020.20.2019-2020- KUNN1-BVB032 ngày 08/7/2020. HĐXX xét thấy Công ty Cổ phần L là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần L phải trả số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/8/2023 là: 2.545.986.793đồng. Trong đó: nợ gốc là 2.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 5.491.998đ, lãi quá hạn 540.494.795đ là phù hợp với Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về tính lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán nên HĐXX chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay là toàn bộ Căn hộ chung cư số B-15.14A tầng 15 (Block B), thửa đất số: 86, tờ bản đồ số: 7, địa chỉ: 16 Lý Thường Kiệt, Thạch Thang, Hải Châu, Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CH 636729 (Số vào sổ cấp GCN: CT36177) do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Đà Nẵng cấp ngày 14/04/2017 đứng tên Công ty Cổ phần L. Qua xem xét thẩm định tại chỗ xác định, căn hộ chung cư số B-15.14A tầng 15 (Block B) được treo biển hiệu phòng số 1614, diện tích sàn 78,4m^2, có kết cầu tường xây, sàn đúc, hai phòng ngủ, một phòng khách, ban công và sân phơi có tứ cận: Phía Bắc giáp lối đi hành lang, phía Đông giáp lối đi hành lang, phía Tây giáp B14B(phòng 1615), phía Nam giáp hướng nhìn ra đường Lý Thường Kiệt, TP Đà Nẵng. HĐXX xét thấy việc thế chấp tài sản phù hợp với sự thỏa thuận các bên, hợp đồng thế chấp được công chứng

tại Văn phòng Công chứng Sông Hàn, thành phố Đà Nẵng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định; thực hiện đúng quy định về nội dung và hình thức nên trong trường hợp Công ty Cổ phần L không thanh toán được nợ thì toàn bộ tài sản thế chấp cần phải xử lý theo điều 299 Bộ luật Dân sự để thu hồi nợ cho Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Đối với bị đơn Công ty Cổ phần L từ khi Tòa án thụ lý vụ án dến khi đưa vụ án ra xét xử không chấp hành sự triệu tập của Tòa án, không có ý kiến phản hồi về việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Đối với bà Nguyễn Thu V và ông Huỳnh Đức Doãn N là người thuê căn hộ chung cư để ở. Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng để bà Vân, ông Ngữ tham gia tố tụng, đảm bảo quyền lợi của mình nhưng bà Vân, ông Ngữ không tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu gì khác. Do đó, HĐXX không có cơ sở xem xét các vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bà Vân, ông Ngữ. Sau này, nếu các đương sự có tranh chấp và khởi kiện thì Tòa án sẽ xem xét và giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Trong quá trình tố tụng, tòa án có xác định bà Nguyễn Thị T - người đã nhận chuyển nhượng Căn hộ chung cư số B-15.14A tầng 15 (Block B), thửa đất số: 86, tờ bản đồ số: 7, địa chỉ: 16 Lý Thường Kiệt, Thạch Thang, Hải Châu, Đà Nẵng từ Công ty Cổ phần L theo Hợp đồng mua bán căn hộ số 135/2015/HĐMBCH-FHOME ngày 08/6/2015 giữa Công ty Cổ phần L với bà Nguyễn Thị T tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, tại văn bản ngày 16/6/2023 bà T xác nhận đã thanh lý hợp đồng mua bán căn hộ nêu trên với Công ty Cổ phần L và căn cứ tài liệu, chứng cứ do Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Đà Nẵng cung cấp có biên bản thanh lý hợp đồng mua bán căn hộ giữa Công ty Cổ phần L và bà T ký ngày 15/9/2022. HĐXX xét thấy mặc dù bà T đã xác lập giao dịch liên quan đến căn hộ chung cư số B-15.14A tầng 15 (Block B), thửa đất số: 86, tờ bản đồ số: 7, địa chỉ: 16 Lý Thường Kiệt, Thạch Thang, Hải Châu, Đà Nẵng với Công ty Cổ phần L. Tuy nhiên, tại vụ án này bà T không có ý kiến yêu cầu gì với Công ty Cổ phần L, căn hộ đã được Công ty Cổ phần L dùng để thế chấp cho Ngân hàng đảm bảo khoản vay của hợp đồng tín dụng, bà T đã biết việc này và không có ý kiến yêu cầu gì, việc mua bán căn hộ giữa bà T và Công ty Cổ phần L đã được thanh lý nên Tòa án đã loại trừ tư cách tham gia tố tụng của bà T. Sau này, nếu các đương sự có tranh chấp và khởi kiện thì Tòa án sẽ xem xét và giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000đ (Ba triệu đồng y) Ngân hàng đã tạm ứng và tự nguyện chịu.

[9] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[10] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Như vậy, án phí Công ty Cổ phần L phải chịu là 82.919.735đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 29; điểm a khoản 1 điều 35; điểm b khoản 1 điều 39; khoản 2 điều 227của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 299, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A đối với bị đơn Công ty Cổ phần L về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Xử: Buộc Công ty Cổ phần L phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A số tiền gốc và lãi gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/8/2023 là: 2.545.986.793đ*(Hai tỷ năm trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm tám mwoi sáu ngàn bảy trăm chín mươi ba đồng)*. Trong đó: nợ gốc là 2.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 5.491.998đ, lãi quá hạn 540.494.795đ.

Kể từ ngày 29/8/2023 Công ty Cổ phần L phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng A theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0020/2019/HĐTD1/BVB32 ký ngày 09/07/2019 tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết mọi khoản nợ.

Sau khi Công ty Cổ phần L trả xong toàn bộ số nợ thì Ngân hàng A phải trả lại cho Công ty Cổ phần L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CH 636729 (Số vào sổ cấp GCN: CT36177) do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Đà Nẵng cấp ngày 14/04/2017 đứng tên Công ty Cổ phần L

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, Công ty Cổ phần L không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp là Căn hộ chung cư số B-15.14A tầng 15 (Block B) thuộc thửa đất số: 86, tờ bản đồ số: 7, địa chỉ: 16 Lý Thường Kiệt, Thạch Thang, Hải Châu, Đà Nẵng diện tích sàn 78,4m^2, có kết cầu

tường xây, sàn đúc, hai phòng ngủ, một phòng khách, ban công và sân phơi có tứ cận: Phía Bắc giáp lối đi hành lang, phía Đông giáp lối đi hành lang, phía Tây giáp B14B(phòng 1615), phía Nam giáp hướng nhìn ra đường Lý Thường Kiệt, TP Đà Nẵngđã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CH 636729 (Số vào sổ cấp GCN: CT36177) do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Đà Nẵng cấp ngày 14/04/2017 đứng tên Công ty Cổ phần L để xử lý theo điều 299 Bộ luật dân sự nhằm đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng.

2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 3.000.000đ (Ba triệu đồng y) Ngân hàng A tự nguyện chịu (Đã nộp và chi xong).

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần L phải chịu 82.919.735đ(Tám mươi hai triệu chín trăm mười chín ngàn bảy trăm ba mươi lăm đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí 39.169.000đ*(Ba mươi chín triệu một trăm sáu mươi chín ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0006172 ngày 06/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 28/8/2023. Riêng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Mỹ Dung